TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DSST
Ngày: 19-10-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3027/2021/TLST-DS, ngày 26-3-2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-DS, ngày 07-7-2021; Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 20-7-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự ngày 21-9-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 07-10-2021; giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Thái Thị Tuyết Ng, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-3-2021, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thị T trình bày:

Bà có cho bà Thái Thị Tuyết Ng vay tổng cộng 02 lần tiền cụ thể từng lần như sau:

Lần 1: Ngày 08/9/2018 DL, bà cho bà Ng vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 2%/tháng, lãi suất thỏa thuận đóng hàng tháng, không có quy định thời gian trả vốn (không có ghi vào biên nhận nợ), việc vay tiền bà Ng có viết biên

nhận nợ cho bà, nội dung biên nhận nợ là do bà Ng tự viết rồi ký tên và lăng tay vô biên nhận. Ở lần vay này bà Ng có đóng lãi cho bà T tổng cộng bằng 20.000.000 đồng, ngưng không đóng tiếp.

Lần 2: Ngày 01/12/2018 DL, bà cho bà Ng vay 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 2%/tháng, không có quy định thời gian trả vốn (không có ghi vào biên nhận nợ), việc vay tiền bà Ng có viết biên nhận nợ cho bà, nội dung biên nhận nợ là do bà Ng tự viết rồi ký tên và lăng tay vô biên nhận, ở lần vay tiền này bà Ng không có đóng lãi cho bà.

Do bà Ng không đóng lãi theo thỏa thuận, nên bà có yêu cầu bà Ng trả lại tiền vốn vay lại cho bà rất nhiều lần, bà không xác định được ngày, tháng, năm bà đòi lại tiền vốn, lần sau cùng bà đòi bà Ng không trả, cũng không đóng lãi nên bà làm đơn khởi kiện ra Tòa án, những lần đòi tiền không có ai chứng kiến và cũng không có ghi giấy tờ gì với bà Ng.

Bà T yêu cầu bà Thái Thị Tuyết Ng trả tiền vốn vay tổng cộng bằng 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay của hai lần vay, với mức lãi suất 0,83%/tháng, bà đồng ý trừ lại phần tiền lãi đã nhận bằng 20.000.000 đồng vào tiền lãi cho bà Ng.

Bà Nguyễn Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T có cung cấp gồm: 01 (một) biên nhận nợ số tiền vốn bằng 300.000.000 đồng (Bản chính); 01 chứng minh nhân dân tên Tình; 01 sổ hộ khẩu gia đình tên Tình (đều photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà Thái Thị Tuyết Ng không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bà Ng nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Thái Thị Tuyết Ng có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn bà Ng trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án bà Ng đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Ng vẫn

vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ng.

[2] V*ề nội dung*: Xét thấy, bà Nguyễn Trần Thị T khởi kiện và cho rằng bà có cho bà Thái Thị Tuyết Ng vay 02 lần tiền tổng cộng bằng 300.000.000 đồng; cụ thể lần vay thứ nhất vào ngày 08/9/2018 DL, bà Ng vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, lần vay tiền thứ hai vào ngày 01/12/2018 DL, bà cho bà Ng vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, cả hai lần vay tiền bà Ng có viết biên nhận nợ cho bà T, bà Ng có đóng lãi cho bà T bằng 20.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất: Bà T khởi kiện yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Đối với bà Thái Thị Tuyết Ng mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà bà T nộp gồm: đơn khởi kiện, biên nhận nợ thể hiện số tiền vốn vay bằng 300.000.000 đồng có chữ ký và dấu lăng tay của bà Ng và chứng cứ khác để bà có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà bà T khởi kiện bà, do bà Ng không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ bà T nộp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Hợp đồng vay tiền giữa bà T với bà Ng được xác lập vào ngày 08/9/2018 và ngày 01/12/2018 là hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và không có quy định thời gian trả lại vốn. Bà T khai việc vay tiền bà Ng có đóng lãi cho bà tổng cộng bằng 20.000.000 đồng của lần vay tiền thứ nhất, còn ở lần vay tiền thứ hai bà Ng không có đóng lãi, do bà Ng không đóng lãi nên bà T khởi kiện và yêu cầu tính lãi suất với mức 0,83%/tháng và bà đồng ý trừ lại tiền lãi đã nhận trước bằng 20.000.000 đồng vào tiền lãi bà yêu cầu. Tòa án có gửi văn bản cho bà Ng biết về việc yêu cầu tính lãi và tiền lãi đã đóng cho bà T để bà Ng có ý kiến hay phản tố về số tiền lãi đã đóng, đã hết thời hạn bà Ng không có ý kiến, nên yêu cầu tính lãi của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật và tiền lãi được tính như sau:

200.000.000 đồng x 0,83%tháng x 37 tháng 11 ngày (ngày 08/9/2018-19/10/2021) bằng 62.028.663 đồng–20.000.000 đồng (nhận trước) bằng 42.028.663 đồng.

100.000.000 đồng x 0,83%tháng x 34 tháng 18 ngày (01/12/2018-19/10/2021) bằng 28.717.988 đồng.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thái Thị Tuyết Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thị T.

2. Buộc bà Thái Thị Tuyết Ng trả cho bà Nguyễn Trần Thị T tổng cộng bằng 370.746.651 đồng (trong đó vốn vay bằng 300.000.000 đồng, tiền lãi bằng 70.746.651 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bà Thái Thị Tuyết Ng phải chịu 18.537.332 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Trần Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.262.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002183, ngày 26-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Trần Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm